

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thương** và bà **Phạm Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trịnh Huy Đ**, sinh năm: 1981; Nơi ĐKHKTT: Tổ 29, khu 8, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1984; Nơi ĐKHKTT: Tổ 29, khu 8, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Tổ 15B, khu 5B, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Trịnh Huy Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Huy Đ và chị Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ 29, khu 8, phường Q, thành phố Uông Bí. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ phát hiện chị P có quan hệ với người đàn ông khác, mâu thuẫn của vợ chồng từ đó trở nên căng

thẳng, có chung sống cũng không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã lâu, đến nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian chung sống cả hai có 02 con chung là Trịnh Huy S, sinh ngày 16/01/2007 và Trịnh Gia H, sinh ngày 04/9/2011, khi ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P có đơn trình bày đề ngày 22/01/2021 gửi đến Tòa án có nội dung: Chị thừa nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống của hai vợ chồng như anh Đ trình bày là đúng sự thật. Trong thời gian chung sống cả hai đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng sống chung trong gia đình có nhiều thế hệ (anh chị chồng, mẹ chồng và các cháu) nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 8/2019. Mặt khác chị P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn cũng là do anh Đ cũng có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị P cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của anh Đ.

Về con chung: Nếu ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực nuôi dưỡng, chị xác định mình có đủ điều kiện để nuôi con. Trong trường hợp anh Đ cương quyết muốn nuôi con thì chị đồng ý để mỗi người nuôi một con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án cho chị P nhưng chị P đều vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị P cũng trình bày quan điểm như nội dung đơn trình bày đề ngày 22/01/2021 chị P đã gửi Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, Bà Đỗ Thị Minh Đ là Khu phó khu 8, phường Q thừa nhận tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn giữa anh Đ và chị P như đã trình bày trên là đúng, tổ khu phố đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, có căn cứ xác định quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Đ và chị P có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không còn tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị P đã trầm trọng, không thể kéo dài nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Trịnh Huy Đ.

Về con chung: Anh Đ và chị P có 02 con chung là Trịnh Huy S và Trịnh Gia H. Căn cứ vào nguyện vọng của anh Đ, chị P và của các con chung, thấy giao cháu Trịnh Huy S cho anh Đ và cháu Trịnh Gia H cho chị P nuôi dưỡng chăm sóc là hợp lý. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng vào phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Huy Đ và chị Nguyễn Thị P kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân có được là do xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc; Tuy nhiên trong thời gian chung sống hai vợ chồng do không tin tưởng nhau, bất đồng về quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2020 chị P đã nộp đơn ly hôn, tuy nhiên cả hai không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung nên chị lại rút đơn, từ đó đến nay cả hai không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có thể thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng chị Phương đều vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả

năng đoàn tụ không còn, HĐXX chấp nhận cho anh Đ được ly hôn chị P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Anh Đ và chị P có 02 con chung là Trịnh Huy S, sinh ngày 16/01/2007 và Trịnh Gia H, sinh ngày 04/9/2011, trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân thì cháu Trịnh Huy S ở cùng với anh Đ và cháu Trịnh Gia H ở cùng với chị P. Nay ly hôn, cả hai đều có quan điểm để mỗi người nuôi một con và trên cơ sở nguyện vọng của các con chung. Tòa án giao con chung Trịnh Huy S cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Trịnh Gia H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Huy Đ.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trịnh Huy Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. *Về con chung*:

Giao cho anh Trịnh Huy Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung Trịnh Huy S, sinh ngày 16/01/2007 kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung Trịnh Gia H, sinh ngày 04/9/2011 kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Cả anh Đ và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Trịnh Huy Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đ đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003689 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- UBND phường Q,
- TP. Uông Bí; T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVÀ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vi Thanh Hà